

KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2024 – 2025
ĐỘ TUỔI: 3-4 TUỔI

Căn cứ vào chương trình giáo dục nhà trường
Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp mẫu giáo bé A, bản thân tôi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học như sau:

I. Mục tiêu, nội dung

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			
1. Phát triển vận động.			
<i>a. Thực hiện được các động tác PT các nhóm cơ và hô hấp.</i>			
1.	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang; + Ngồi xổm, đứng lên + Bật tại chỗ. + Co duỗi chân 	1->9
<i>b. Thể hiện kỹ năng VĐ cơ bản và các tổ chức vận động</i>			
2.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m. 	<ul style="list-style-type: none"> + Đi trong đường hẹp. + Đi kiễng gót. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. 	<p>1</p> <p>2</p> <p>8</p>

		+ Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm). + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật nhảy tại chỗ + Bật tiến về phía trước qua các vòng. + Bật xa 20 - 25cm. + Bật liên tục về phía trước (3-4 ô)	4 1,9 3 5 7 4 6
3.	- Trẻ kiểm soát được vận động khi: + Đi/chạy thay đổi hướng tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường đích dắc (3- 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc + Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.	3 4 5 6
4.	- Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô bắt được 3 lần liên không rơi bóng (Khoảng cách 2,5m) + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm).	+ Lăn bóng với cô. + Tung bắt bóng với cô. + Đập và bắt bóng. + Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang	1 5 6 7 9 8
5.	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy được liên tục 15m theo hướng thẳng.	+ Chạy liên tục 15m theo hướng thẳng	7
6.	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Ném trúng đích ngang	+ Ném trúng đích bằng 1 tay + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay + Ném trúng đích nằm ngang	8 3,5 4 9

	(xa 1,5m).		
7.	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	+ Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. + Bò theo hướng thẳng + Bò theo đường dích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn theo hướng thẳng. + Trườn theo đường dích dắc + Trườn chui qua cổng + Trườn về phía trước	6 1 2 5 3 9 7 9
<i>c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.</i>			
8.	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay + Gập, đan ngón tay vào nhau. + Sử dụng đôi bàn tay di chuột chơi các trò chơi vui học Kidsmart	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. + Sử dụng đôi bàn tay di chuột chơi các trò chơi vui học Kidsmart	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
9.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu	- Tô vẽ nguyệt xích ngoạc.	4,6,9
10.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm	- Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút	5,7,8, 9
11.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau.	4,7,8, 9

12.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Tự cài, cởi cúc	- Cài, cởi cúc. - Đan, tết.	1, 2,4
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
<i>a. Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</i>			
13.	- Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc (Thịt, cá, trứng, sữa...).	1,2
14.	- Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày như: Trứng rán, cá kho, canh rau....	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và món ăn quen thuộc (Trứng rán, cá kho, canh rau...).	1,2
15.	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Biết ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,5,6, 7
<i>b. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>			
16.	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, xúc miệng. + Tháo tất, cởi quần, áo....	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	1,4,5
17.	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	1, 2
<i>c. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>			
18.	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện thói quen: Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, uống nước đã đun sôi để nguội.	1
	- Trẻ có một số hành vi	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ	5,7,8

19.	tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Đi ra đường đeo khẩu trang để phòng, tránh dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe... + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	gìn sức khỏe; Đi ra đường đeo khẩu trang để phòng, tránh dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe... - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết.	
20.	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	3,4
<i>d. Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</i>			
21.	- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn (ao, sông, suối, kênh mương...), những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (Dao, kéo, bếp đang đun...)	3,7, 8,9
22.	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, mương...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Không đi theo nhận quà của người lạ khi chưa được sự cho phép của người thân; Biết kêu cứu khi người lạ sờ vào người, hay bị bắt cóc, dọa nạt)	
23.	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống + Không leo trèo lên bàn ghế, lan can.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo lên bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn.	3,6

	+ Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	+ Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			
1. Khám phá khoa học			
<i>a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng.</i>			
24.	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	2 1 5,6
25.	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số PTGT quen thuộc. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	7
26.	- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một số đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	8
27.	- Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. VD: Thả các con vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Làm một số thí nghiệm đơn giản: + Thả bóng và viên sỏi vào nước để biết được vật chìm vật nổi. + Thả các con vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	8
28.	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại con vật, cây, hoa, quả theo một dấu hiệu nổi bật.	5,6
	- Tên gọi của một số thiên tai hay xảy ra tại Điện	- Tên gọi của một số thiên tai hay xảy ra tại địa phương: Mưa lũ, động đất,	

	Biên - Hậu quả của thiên tai - Cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai.	bão . . . - Biết hậu quả của một số thiên tai (thiệt hại ruộng lúa, cây cối, ao . . .) - Biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai.	8
<i>b. Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i>			
29	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	5,6,8
<i>c. Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.</i>			
30	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	4,5,6
31	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	- Một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	4,7
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
<i>a. Trẻ nhận biết số đếm, số lượng.</i>			
32	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng - 1 và nhiều - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
33	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.		

34	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
35	- Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	4,7,8,9
36	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	
b. Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc			
37	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	5
c. Trẻ biết so sánh hai đối tượng			
38	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	3, 4,5
d. Trẻ biết nhận biết hình dạng			
39	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	4,6
		- Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	7
e. Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.			
40	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2
3) Khám phá xã hội			
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.			

41	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân.	2
42	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	3
43	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình (Thôn/bản, xã...)	- Địa chỉ gia đình (Thôn/bản, xã...)	
44	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1
<i>b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.</i>			
45	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến: Nghề nông, nghề xây dựng...	4
<i>c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.</i>			
46	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán, tết thiếu nhi... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Tên một số ngày lễ hội của địa phương: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán, ngày 8/3, tết thiếu nhi, lễ hội hoa ban, kỉ niệm 71 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ...	1,3,5, 7,9
47	- Trẻ biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương (Đồi A1, hầm Đờ Cát, tượng đài chiến thắng, khu du lịch sinh thái Him Lam...)	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của Điện Biên: Đồi A1, hầm Đờ Cát, tượng đài chiến thắng, khu du lịch sinh thái Him Lam...	9
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			
1. Nghe hiểu lời nói			
	- Trẻ thực hiện được yêu	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	1,2

48	câu đơn giản, VD: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.		
49	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	3,4,5, 9
	- Trẻ nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ tiếng anh chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc. - Trẻ nghe từ chỉ số từ 1-3 bằng tiếng anh.	- Nghe được một số từ tiếng anh chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc - Nghe số từ 1- 3 bằng tiếng anh.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
50	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát quen thuộc của địa phương như inh lá ơi, xòe hoa..., bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	1,2,4, 7,8,9
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
51	- Trẻ nói rõ các tiếng. + Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. + Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt, sử dụng đúng một số từ ngữ bằng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
	52	- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Trẻ nhắc lại được, gọi được tên một số đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh. - Trẻ nhắc lại từ chỉ số từ	
			1,2,3, 4,5,6, 7,8,9

	1-3 bảng tiếng anh.		
53	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “ở đâu?”; “Khi nào?”. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	1,2,3, 4,5,7
54	- Trẻ biết kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc.	8,9
55	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
56	- Trẻ biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	1,2,3, 4,5,6, 7,8
57	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	5
58	- Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa”... trong giao tiếp.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2,3
59	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	8,9
3. Làm quen với việc đọc – viết			
60	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - Giữ gìn sách. - Làm quen với cách đọc tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	5,6,7
	- Trẻ biết nhìn vào tranh	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp	

61	minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	đỡ. - Làm quen với các kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).	1, 6,7
62	- Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách viết tiếng Việt: + Hướng viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ.	7,8, 9
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI.			
1. Thể hiện ý thức bản thân.			
63	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân.	2
64	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	2
2. Thể hiện sự tự ti, tự lực			
65	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động: + Hăng hái phát biểu ý kiến, trả lời câu hỏi của cô. + Tích cực trong các hoạt động học tập, vui chơi.	4, 5,7
66	- Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	3,4,5, 6, 7, 8, 9
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
67	- Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2
68	- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	2

69	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ thông qua nghe kể chuyện, hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	9
70	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	
4. Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội			
71	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Chờ đến lượt.	1,2,3, 4
72	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột - Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).	3, 4
73	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe cô nói, bạn nói đâu là hành động đúng- sai, tốt- xấu. - Nghe lời cô giáo, chú ý nghe bạn nói.	1,2, 3
74	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn.	1,2,3, 4,5,6, 7, 8, 9
5. Quan tâm đến môi trường			
75	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	5,6,8
76	- Biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Tiết kiệm điện, nước(Biết khóa vòi nước khi đã dùng xong...)	1,3, 4, 5, 6, 7, 8
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp TNCS và các TPNT			
77	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1, 2,3,4, 5,6,7, 8,9

78	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật về (màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.		8,9
79	- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	1, 2,3,4, 5,7,8, 9
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình			
80	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
81	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa..)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	1,2,3, 4,5, 6,7,8, 9
82	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	6,7,8
83	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	2,3,4, 9
84	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán, cắt để tạo ra sản phẩm đơn giản.	6
85	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,3
86	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	5, 6

	các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		
87	- Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	1,2,3,4,5,6,9
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật			
88	- Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	6,7
89	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	8,9
90	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ

Tháng	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Ghi chú
Từ ngày 09/9 đến ngày 04/10/2024	Trường mầm non - Tết Trung thu: (4 tuần)	Trường mầm non	1	Tết trung thu	
		Tết trung thu	1		
		Lớp học của bé	1		
		Đồ dùng đồ chơi của bé	1		
Từ ngày 07/10 đến ngày 25/10/2024	Bản thân (3 tuần)	Tôi là ai	1		
		Cơ thể của bé	1		
		Bé lớn lên như thế nào	1		
Từ ngày 28/10 đến ngày 22/11/2024	Gia đình - Ngày hội của cô giáo: (4 tuần)	Gia đình của bé	1	Ngày 20/11	
		Các thành viên trong gia đình	1		
		Đồ dùng trong gia đình	1		
		Ngày hội của cô giáo	1		

Tháng	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Ghi chú
Từ ngày 25/11 đến ngày 20/12/2024	Bé thích làm nghề gì - Ngày 22/12: (4 tuần)	Nghề truyền thống ở địa phương	1		
		Nghề phổ biến	1		
		Nghề dịch vụ	1		
		Ngày 22/12	1		
Từ ngày 23/12/2024 đến ngày 24/01/2025	Thế giới thực vật - Tết nguyên đán - Mùa xuân (4 tuần)	Cây xanh và môi trường sống.	1	Tết nguyên đán	
		Một số loại hoa	1		
		Một số loại rau, quả	1		
		Tuần ôn	1		
		Tết nguyên đán	1		
		Nghỉ tết từ ngày 27/01-31/01			
Từ ngày 03/02/2025 đến ngày 28/02/2025	Những con vật em yêu (4 tuần)	Một số con vật nuôi trong gia đình	1		
		Một số con vật sống dưới nước	1		
		Một số con vật sống trong rừng	1		
		Một số con côn trùng	1		
Từ ngày 03/07 đến ngày 28/03/2025	Phương tiện giao thông – ngày 8/3 (4 tuần)	PTGT đường bộ	1		
		Ngày hội 8/3	1		
		Một số PTGT đường hàng không	1		
		Tôi yêu VN	1		
Từ ngày 31/03 đến ngày 25/4/2025	Nước và một số hiện tượng tự nhiên (4 tuần)	Một số hiện tượng tự nhiên	1		
		Nước ở quanh bé	1		
		Các mùa trong năm	1		
		Bé với biến đổi khí hậu	1		

Tháng	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Ghi chú
Từ ngày 28/4 đến ngày 23/5/2025	Quê hương ĐB - Bác Hồ- Tết thiếu nhi (4 tuần)	Quê hương Điện Biên của bé	1	Ngày tết thiếu nhi	
		Bác Hồ kính yêu	1		
		Thủ đô Hà Nội	1		
		Tết thiếu nhi	1		
	Cộng		35		

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Hà

Ngày 29 tháng 08 năm 2024

GIÁO VIÊN

Đinh Thị Hồng Phượng